

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 8 – ĐẮK LẮK
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2025/DS-ST

Ngày: 12 - 9 - 2025

V/v tranh chấp hôn nhân và gia
đình.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8 – ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Trương Văn Chinh**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Y Mung Niê**

2. Ông **Trương Hữu Vinh**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Thủy** - Thư ký Tòa án Toà án nhân dân khu vực 8 – Đắk Lắk, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 – Đắk Lắk, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Bà **Trương Thị Thảo Ngọc** – Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 8 – Đắk Lắk, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 184 /2024/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 11 năm 2024 về việc “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 32/2025/QĐXX-ST ngày 19 tháng 8 năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị Anh T**, sinh năm 1976

Địa chỉ: Tổ dân phố 10, xã P, tỉnh Đ. Có mặt

- Bị đơn: Ông **Trần Xuân H**, sinh năm 1976

Địa chỉ: Tổ dân phố 10, xã P, tỉnh Đ

Chỗ ở hiện nay: Số 182 Hoàng Hoa Thám, phường V, thành phố H.

Vắng mặt. (Có đơn xin đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày đề ngày 11/11/2024, trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Nguyễn Thị Anh T trình bày: Bà T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

- Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Anh T và ông Trần Xuân H kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký hôn tại UBND xã P, huyện K, tỉnh Đ nay là xã P, tỉnh Đ vào ngày 13/3/1998. Thời gian đầu chúng tôi sống hạnh phúc. Tuy nhiên vào khoảng năm 2022 vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do hai vợ chồng chúng tôi sống không hợp nhau, không cùng chung quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên xung đột, cãi vã, ông H không quan tâm đến vợ con và vợ chồng sống ly thân với nhau từ đó đến nay. Nay mâu thuẫn vợ chồng đã quá mức trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Nay nguyện vọng của bà Nguyễn Thị Anh T là được ly hôn với ông Trần Xuân H.

- Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Trần Minh D, sinh ngày 02/07/1998 và Trần Minh Th, sinh ngày 02/9/2007. Do hiện nay các con chung đều đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết

- Về tài sản chung và nợ chung: Bà Nguyễn Thị Anh T không yêu cầu giải quyết.

Tại đơn trình bày, đơn xin xét xử vắng mặt, ông Trần Xuân H trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Trần Xuân H và bà Nguyễn Thị Anh T kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký hôn tại UBND xã P, huyện K, tỉnh Đ nay là xã P, tỉnh Đ vào ngày 13/3/1998. Nay bà Nguyễn Thị Anh T có nguyện vọng xin được ly hôn với ông Trần Xuân H, thì ông H cũng hoàn toàn đồng ý ly hôn với bà Nguyễn Thị Anh T.

- Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Trần Minh D, sinh ngày 02/07/1998 và Trần Minh Th, sinh ngày 02/9/2007. Do hiện nay các con chung đều đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: Ông Trần Xuân H không yêu cầu giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải đoàn tụ nhiều lần nhưng các bên vẫn không thỏa thuận được các vấn đề liên quan đến vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát tại phiên toà phát biểu: Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu về nội dung vụ án: Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ khác trong hồ sơ vụ án cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cho bà Nguyễn Thị Anh T được ly hôn với ông Trần Xuân H. Về con chung: Do hiện nay các con chung đều đã trưởng thành nên các bên không yêu cầu

giải quyết. Về tài sản chung, nợ chung các bên không yêu cầu nên không xem xét giải quyết; buộc bà Nguyễn Thị Anh T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Anh T khởi kiện xin ly hôn, nuôi con chung nên Tòa xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là tranh chấp hôn nhân và gia đình, quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Xét yêu cầu của nguyên đơn: Hội đồng xét xử thấy rằng:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Anh T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với ông Trần Xuân H với lý do vợ chồng mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi nhau, vợ chồng không còn tình cảm, đã sống ly thân với nhau từ năm 2022 đến nay. Trong quá trình giải quyết vụ án anh H cũng thừa nhận vợ chồng không còn tình cảm, không quan tâm đến nhau, ông H cũng đồng ý ly hôn với bà Nguyễn Thị Anh T. Như vậy, mâu thuẫn vợ chồng bà T và ông H đã làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, được các bên thừa nhận. Do đó cần chấp nhận đơn khởi kiện của bà Nguyễn Thị Anh T, cho bà Nguyễn Thị Anh T được ly hôn với ông Trần Xuân H là phù hợp với khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- *Về con chung*: Bà Nguyễn Thị Anh T và ông Trần Xuân H có 02 con chung gồm: Trần Minh D, sinh ngày 02/07/1998 và Trần Minh Th, sinh ngày 02/9/2007. Do hiện nay các con chung đều đã trưởng thành nên các bên không yêu cầu giải quyết.

- *Về tài sản chung và nợ chung*: Bà Nguyễn Thị Anh T và ông Trần Xuân H đều không yêu cầu giải quyết.

[3]. *Án phí dân sự sơ thẩm*: Căn cứ vào điểm a khoản 5, Điều 27 Nghị quyết 326 /2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu miễn, giảm thu nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án buộc bà Nguyễn Thị Anh T phải chịu 300.000 đồng tiền án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 56, khoản 2 Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết

326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu miễn, giảm thu nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận đơn yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Anh T

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Nguyễn Thị Anh T được ly hôn với ông Trần Xuân H

2. Về con chung: Bà Nguyễn Thị Anh T và ông Trần Xuân H có 02 con chung gồm: Trần Minh D, sinh ngày 02/07/1998 và Trần Minh Th, sinh ngày 02/9/2007. Do hiện nay các con chung đều đã trưởng thành nên các bên không yêu cầu giải quyết.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Bà Nguyễn Thị Anh T và ông Trần Xuân H không yêu cầu giải quyết.

4. Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Buộc bà Nguyễn Thị Anh T phải chịu 300.000 đồng tiền án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2023/0012317 ngày 11/11/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Không Búk nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 8 – Đắc Lắc.

Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND khu vực 8 – Đắc Lắc;
- Phòng THADS khu vực 8 – Đắc Lắc;
- TAND tỉnh Đắc Lắc;
- UBND xã Pong Drang;
- Lưu Hồ sơ, Văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Trương Văn Chinh